

Số 16 /KH-THPTAD

An Dương, ngày 13 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy chế 3 công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT Năm học 2023 - 2024

Thực hiện Hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2023 – 2024;

Trường THPT An Dương xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện “3 công khai” năm học 2023 – 2024 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu thực hiện công khai

- Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục;
- Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết;
- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong từng năm học;
- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn;
- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học;
- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tập trung dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện ba công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

1.1. Cam kết chất lượng giáo dục

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.

1.2. Chất lượng giáo dục thực tế

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi tuyển vào lớp 10 THPT,....



1.3. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia.

1.4. Kiểm định nhà trường

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, thu thập minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá nhưng chưa đánh giá ngoài.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

2.1. Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; số thiết bị dạy học đang sử dụng đáp ứng cho năm học 2022-2023.

2.2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo.

3. Công khai thu chi tài chính

- Thực hiện theo quy định tại điểm Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học; công khai các khoản chi theo từng năm học (các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài.

- Chính sách hỗ trợ học tập và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức

- Công khai trên website của nhà trường;
- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường;
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

2. Thời điểm công khai

Công khai định kỳ đầu năm học, khi kết thúc học kỳ, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Thực hiện 4 kiểm tra

- Ban thanh tra nhân dân thường xuyên giám sát về việc mua sắm, sửa chữa CSVC, chi chế độ cho CB, GV, NV và học sinh; chế độ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn và các khoản phụ cấp (nếu có);

- Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm học.

V. Tổ chức thực hiện

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý;



- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp;

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường:

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên website của nhà trường.

VI. Phân công nhiệm vụ các thành viên tham gia điều tra cung cấp số liệu, thông tin

1. Ông Ngô Quang Hoài - Hiệu trưởng - Trưởng ban: Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT và Kế hoạch thực hiện “3 công khai” của trường đến tất cả toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường, CMHS.

2. Ông Nguyễn Văn Thanh - Phó hiệu trưởng - Phụ trách chuyên môn: Phụ trách báo cáo các thông tin về Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.

3. Ông Nguyễn Hoàng Bích - Phó hiệu trưởng - Phụ trách cơ sở vật chất: Phụ trách báo cáo các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường;

4. Bà Đinh Thị Mùi - Kế toán: Phụ trách báo cáo các thông tin về tài chính.

5. Ban chấp hành Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân: Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông qua các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân công lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ; kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thực hiện “3 công khai” năm học 2023 - 2024 của trường THPT An Dương, yêu cầu các bộ phận, các tổ chức đoàn thể và các cá nhân nghiêm túc thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- BGH;
- TTVP, TTCM;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Quang Hoài



The stamp is a red circular seal with the text: "SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG" around the perimeter, "TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG AN DƯƠNG" in the center, and "HÀNH PHỐ HẢI PHÒNG" at the bottom.

BIÊN BẢN
VỀ VIỆC NIÊM YẾT CÔNG KHAI THÔNG TIN TRONG NHÀ TRƯỜNG
ĐẦU NĂM HỌC 2023 - 2024

Hôm nay, hồi 9 giờ 00' ngày 19 tháng 9 năm 2023

Tại: Văn phòng Trường THPT An Dương

Đơn vị đã tiến hành tổ chức công khai thông tin về Nhà trường bằng hình thức **Niêm yết** tại trụ sở làm việc:

I- Thành tham gia niêm yết:

1. Ông Ngô Quang Hoài - Bí thư chi bộ, hiệu trưởng;
2. Ông Nguyễn Văn Thanh - Phó bí thư chi bộ, phó hiệu trưởng;
3. Bà Đào Thị Thanh Thủy - Phó hiệu trưởng;
4. Ông Nguyễn Hoàng Bích - Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn;
5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký HĐGD;
6. Bà Lê Thị Hoàng Chung - Trưởng ban TTND
7. Bà Đào Thị Bích Thủy – Cán bộ văn phòng

II- Nội dung niêm yết công khai:

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống Giáo dục Quốc dân. Nội dung công khai của Nhà trường gồm:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023- 2024
2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, bao gồm:
 - a, Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng và các cơ sở vật chất khác phục vụ hoạt động dạy và học.
 - b, Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên;

3. Công khai thu chi tài chính:

Thời hiệu thực hiện việc niêm yết: 30 ngày kể từ ngày niêm yết

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục theo đúng thời gian nêu trên. Trong thời gian niêm yết, việc tố cáo hoặc phản ánh (nếu có) về các nội dung công khai ở trên, thì người có đơn tố cáo, phản ánh gửi về Ban giám hiệu nhà trường để được xem xét, giải quyết theo quy định.



Biên bản lập xong hồi 9 giờ 15' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ
NIÊM YẾT**

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
Th.S. Ngô Quang Hoài



THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo đúng theo quy định của Sở GD&ĐT Hải Phòng		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với khối 12. Chương trình phổ thông 2018 đối với khối 10, 11.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động GD NGLL; GDHN; các hội thi, cuộc thi; tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Về học lực: Giỏi ít nhất 70%; Khá ít nhất 20%; Yếu, kém không quá 1%. - Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Khá, tốt đạt 100%. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỷ lệ học sinh lên lớp trên 99%	Tỷ lệ học sinh lên lớp trên 99%	- 100% HS đủ điều kiện dự thi THPT QG - Tỷ lệ tốt nghiệp THPT 100%. Đỗ ĐH trên 85% - Học sinh có đủ điều kiện cơ bản để theo học các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.

An Dương, ngày 19 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Th.S. Ngô Quang Hoài

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	1306		721	585
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1293 99 %		711 98,61%	582 98,49%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	13 1 %		10 1,39%	3 0,51%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%		0 0%	0 0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%		0 0%	0 0%
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	898	898		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	898	898 100 %		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0		
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	1306		721	585
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	971 74,35%		513 71,15%	458 78,29%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	294 22,52%		181 25,1%	113 19,32%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	38 2,9%		25 3,47 %	13 2,22%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,23%		2 0,28 %	1 0,171%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%		0 0%	0 0%
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	898	898		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	498 55,46%	498 55,46%		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	326 36,3 %	326 36,3 %		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	71 7,91 %	71 7,91 %		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,33%	3 0,33%		



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2204	898	721	585
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2204 100%	898 100%	721 100%	585 100%
1.1	áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011	1306		721	585
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	971 74,35%		513 71,15%	458 78,29%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	294 22,51%		181 25,1%	113 19,32%
1.2	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	898	898		
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	92 10,24%	92 10,24%		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	405 45,1 %	405 45,1 %		
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	5 0,062%	3 0,33%	2 0,28%	0 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	8 (0,36%)	2 (0,22%)	6 (0,83%)	0
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	9 (0,41%)	0	7 (0,97%)	2 (0,34%)
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	6 0,27%	2 0,22%	0 0%	4 0,68%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp thành phố	108	4	9	95
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	1		1	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	585			585
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	585			585
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	497 84,96%			497 84,96%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1204/1000	551/347	302/419	351/234
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0

An Dương, ngày 19 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Th.S. Ngô Quang Hoài

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	35	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	35	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	7	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	29	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,2	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	12860	6,7
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1890	1,2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	270	0,85
3	Diện tích thư viện (m ²)	108	2,4
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	500	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	20	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khôi lớp 10	40	2
1.2	Khôi lớp 11	40	2
1.3	Khôi lớp 12	32	2
1.4	Khôi lớp ...		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khôi lớp ...		
2.2	Khôi lớp ...		
2.3	Khôi lớp ...		
2.4	Khôi lớp ...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	200	
4	Máy tính PC	45	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác: Màn hình Led ngoài trời, phòng họp	2	
6	Hệ thống camera, loa thông báo	1	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30	



STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác: Màn hình Led ngoài trời	1	
6	Hệ thống camera, loa thông báo	1	
7	Điều hòa không khí phòng học	35	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

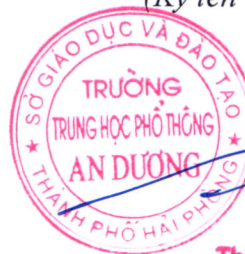
XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	45	3	45	2	120	2	120
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		0		0		0		0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

An Dương, ngày 19 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Th.S. Ngô Quang Hoài

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	111	0	47	53		3	0	0	14	86		75	25		
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	96	0	43	53	0	0	0	0	10	86	0	71	25	0	0
1	Toán	17	0	14	3	0	0	0	0	5	12	0	12	5	0	0
2	Lý	9	0	3	6	0	0	0	0	0	9	0	5	4	0	0
3	Hóa	8	0	8	0	0	0	0	0	0	8	0	6	2	0	0
4	Sinh	5	0	2	3	0	0	0	0	2	3	0	4	1	0	0
5	Văn	14	0	5	9	0	0	0	0	1	13	0	12	2	0	0
6	Sử	4	0	2	2	0	0	0	0	1	3	0	4	0	0	0
7	Địa	5	0	1	4	0	0	0	0	1	4	0	4	1	0	0
8	GDCD	4	0	0	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	0	0
9	Ngoại Ngữ	15	0	6	9	0	0	0	0	0	15	0	13	2	0	0
10	GDTC	6	0	0	6	0	0	0	0	0	6	0	0	6	0	0
11	GDQPAN	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0
12	Tin học	4	0	2	2	0	0	0	0	0	4	0	4	0	0	0
13	KTNN	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
14	KTCN	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	4	0	4		0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1		0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	3	0	3		0	0	0	0	3	0	0	3	0	0	0
III	Nhân viên		0	0		0	3	0	0			0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1	0		1	0	0	0	0							
2	Nhân viên kế toán		0			0	0	0	0							
3	Thủ quỹ		0			0	0	0	0							
4	Nhân viên y tế	1	0			0	1	0	0							
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	1	0	0							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm		0		0	0	0	0	0							
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0			0	0	0	0							
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0		0	0	0	0	0							
9	...															

An Dương, ngày 19 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Th.S. Ngô Quang Hoài

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023-2024 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	2021 - 2023	Giáo viên	02	Chuyên môn	Tập trung	Thạc sỹ
2	2021 - 2022	CBQL	03	Nghị vụ QL	Tập trung	Chứng chỉ,
3	2021 - 2022	CBQL	02	Kiến thức QPAN đối tượng 3	Tập trung	Chứng nhận
4	2022 - 2023	Giáo viên	04	Chuyên môn	Tập trung	Thạc sỹ
5	2023 - 2024	Giáo viên	04	Chuyên môn	Tập trung	Thạc sỹ

An Dương, ngày 19 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Th.S. Ngô Quang Hoài

Hướng dẫn ghi biểu

- Cột 2: Ghi dự kiến thời gian đào tạo, bồi dưỡng từ tháng/năm đến tháng/năm
- Cột 3: Ghi tên đối tượng tham gia: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.....
- Cột 6: Ghi hình thức đào tạo, bồi dưỡng: Tập trung, vừa học vừa làm, trực tuyến.....
- Cột 7: Ghi trình độ đào tạo, bồi dưỡng đạt được sau khi hoàn thành (Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng, Chứng chỉ, Chứng nhận.....)